TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **374**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20-7-2026
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình "Xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mạc Ngọc Day

Bà Nông Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Văn Huynh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hứa Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án thụ lý số 298/2026/TLST-HNGĐ, ngày 12/6/2026 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình "Xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/7/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Tiểu khu A, xã M, tỉnh Sơn La.
2. Bị đơn: Anh Hứa Văn L, sinh năm 1982.
Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, tỉnh Tuyên Quang.
(*Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Vân A trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hứa Văn L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Í, huyện M, tỉnh Sơn La (nay là xã M, tỉnh Sơn La) vào ngày 22/12/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau và có một con chung. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân tương đối hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm

sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Mặc dù đã nhiều lần cố gắng hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng không đạt kết quả. Hiện nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hứa Văn L theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung, tên là Hứa Đức H, sinh ngày 07/4/2010. Hiện tại cháu đang ở cùng chị. Ly hôn chị nhận nuôi cháu mà không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung; Về nợ chung: Anh chị không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Theo Biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Hứa Văn L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Vân A tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Í, huyện M, tỉnh Sơn La (nay là xã M, tỉnh Sơn La) vào ngày 22/12/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau và có một con chung. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân tương đối hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Mặc dù đã nhiều lần cố gắng hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng không đạt kết quả. Hiện nay vợ chồng sống ly thân, chị A ở xã M, tỉnh Sơn La còn anh ở xã H, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị A làm đơn xin ly hôn, anh nhất trí.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung, tên là Hứa Đức H, sinh ngày 07/4/2010. Hiện tại cháu đang ở cùng chị A. Ly hôn anh nhất trí để chị Anh nuôi con, anh không cấp dưỡng và sẽ thăm nom con khi có điều kiện.

- Về tài sản chung; Về nợ chung: Anh chị không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương với bà Hoàng Thị H1, trưởng thôn Đ, xã H, tỉnh Tuyên Quang, kết quả đều thể hiện: Anh Hứa Văn L là công dân có nơi thường trú tại thôn Đ, xã H, tỉnh Tuyên Quang. Còn chị Nguyễn Thị Vân A không phải công dân có nơi thường trú tại thôn. Chị A và anh L sau một thời gian tìm hiểu đã tự nguyện đi đến hôn nhân có đăng kí kết hôn tại UBND thị trấn Í, huyện M, tỉnh Sơn La (nay là xã M, tỉnh Sơn La) vào năm 2008. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống và làm việc tại nhà chị A ở tỉnh Sơn La. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu sau thì phát sinh mâu thuẫn, anh L về địa phương sinh sống còn chị A vẫn ở nhà ngoại ở Sơn La. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể thì thôn không nắm được do anh chị không sinh sống ở địa phương, chỉ biết là quá trình sinh sống anh chị xảy ra bất đồng trong làm ăn

kinh tế, thường xuyên cãi vã nhau. Hiện tại vợ chồng anh chị ly thân nhau, không ai quan tâm gì đến ai. Nay chị A có đơn ly hôn anh L gửi Toà án, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, anh chị có 01 con chung, tên là Hứa Đức H, sinh ngày 07/4/2010. Hiện tại cháu H đang ở cùng chị A. Về tài sản chung; Về vay nợ chung: anh chị không có tài sản chung, không có vay nợ chung.

Tại phiên tòa chị A và anh L có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến trình bày tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai và các tài liệu kèm theo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tống đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Vân A:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Vân A được ly hôn với anh Hứa Văn L.

+ Về con chung: Giao cháu Hứa Đức H, sinh ngày 07/4/2010 cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh L1 phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Về tài sản chung; Về nợ chung: Do các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bị đơn anh L không phải chịu án phí.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Nguyễn Thị Vân A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn với anh Hứa Văn L, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là Tranh chấp hôn nhân và gia đình *"Xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh L có nơi thường trú và sinh sống tại thôn Đ, xã H, tỉnh Tuyên Quang. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân.

[2] Về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự:

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Vân A và anh Hứa Văn L là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Í, huyện M, tỉnh Sơn La (nay là xã M, tỉnh Sơn La) vào ngày 22/12/2008, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được 2 bên gia đình cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Do vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại tiểu khu A, xã M, tỉnh Sơn La. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng đến thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau. Anh chị đã ly thân nhau, chị A ở xã M, tỉnh Sơn La; còn anh L ở xã H, tỉnh Tuyên Quang, vợ chồng không ai quan tâm gì đến ai. Nay chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn xin ly hôn anh L. Anh L cũng đồng ý ly hôn nhưng vì bận đi làm công trình cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang nên anh không thể lên Toà án giải quyết được.

Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị A được ly hôn anh L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

***** Về con chung: Quá trình chung sống anh chị xác định có 01 con chung tên là Hứa Đức H, sinh ngày 07/4/2010. Quá trình giải quyết vụ án, anh chị đều nhất trí để chị A là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Tại biên bản lấy lời khai con chung, cháu H thể hiện nguyện vọng muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Hiện cháu đang học lớp 10A3, chuẩn bị lên lớp 11A3 trường THPT M. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi

mặt của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử thấy cần giao Hứa Đức H, sinh ngày 07/4/2010 cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền thay đổi nuôi con sau ly hôn theo quy định.

* Về tài sản chung; Về vay nợ chung: Do các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bị đơn anh L không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân.

Tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Vân A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Vân A được ly hôn với anh Hứa Văn L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 104 do Ủy ban nhân dân thị trấn Í, huyện M, tỉnh Sơn La (nay là xã M, tỉnh Sơn La) cấp ngày 22/12/2008 cho chị Nguyễn Thị Vân A và anh Hứa Văn L không còn giá trị pháp lý sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Hứa Đức H, sinh ngày 07/4/2010 cho chị Nguyễn Thị Vân A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hứa Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền thay đổi nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Vân A phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001314 ngày 12/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang, chị A đã nộp đủ án phí. Bị đơn anh Hứa Văn L không phải chịu tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND KV2-Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Minh Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Mạc Ngọc Day - Nông Thị Hương	**Hoàng Thị Minh Ngọc**